

VIỆC LUYỆN NÓI TIẾNG ANH CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC HUẾ ĐỂ ĐẠT ĐẦU RA BẬC 3/6

Lê Thị Hồng Phương*; Nguyễn Phạm Thanh Vân

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

Nhận bài: 01/10/2019; Hoàn thành phản biện: 15/11/2019; Duyệt đăng: 25/12/2019

Tóm tắt: Luyện nói là một trong những kỹ năng quan trọng của việc học tiếng Anh. Hiện nay, việc đánh giá trình độ tiếng Anh đối với sinh viên ĐH Huế (Đại học Huế) cũng được thực hiện với cả bốn kỹ năng riêng biệt. Với dữ liệu qua 100 bản điều tra cho thấy các em đã và đang gặp phải những khó khăn khách quan và chủ quan trong việc phát triển kỹ năng nói của mình. Bài viết này xin được đưa ra một số khó khăn và chiến lược nhằm nâng cao chất lượng lớp học luyện nói tiếng Anh và cải thiện kết quả đầu ra đạt chuẩn bậc 3/6 một cách hiệu quả cho sinh viên không chuyên ngữ ở ĐH Huế.

Từ khóa: Chiến lược, kỹ năng thực hành tiếng, sinh viên không chuyên ngữ, năng lực ngôn ngữ

1. Mở đầu

Học tiếng Anh đã và đang trở thành một yêu cầu cấp thiết đối với sinh viên ĐH Huế khi mà kì thi B1 bậc 3/6 là điều kiện bắt buộc để sinh viên tốt nghiệp đại học ở ĐH Huế và đã trở thành một yêu cầu có tính thực tiễn và bắt buộc đối với mọi sinh viên của ĐH Huế.

Trong số các kỹ năng tiếng Anh, kỹ năng nói được cho là một kỹ năng quan trọng và cần được chú trọng nhất bởi nó là yếu tố then chốt cấu thành khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ mục tiêu của người học mà đây lại là một kỹ năng khó nhất trong số 4 kỹ năng nghe-nói-đọc-viết. 72% sinh viên đã được khảo sát thừa nhận rằng cảm thấy rất khó khăn khi muốn diễn đạt ý tưởng của mình bằng tiếng Anh thậm chí là có cảm giác sợ khi phải giao tiếp bằng ngôn ngữ này dù đã rất cố gắng và đã có ý thức luyện tập trước đó. Thực vậy, theo thống kê gần đây ở một số trường ĐH trên cả nước trong đó có ĐH Huế thì kết quả kỹ năng nói của sinh viên không chuyên ngữ là thấp nhất so với các kỹ năng ngôn ngữ khác. Thực vậy, một tỉ lệ tương đối cao sinh viên có kết quả thi môn nói dưới 7 nên không được công nhận đã qua kì thi kiểm tra năng lực tiếng Anh bậc 3/6. Ngoài ra, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp ĐH giao tiếp được bằng tiếng Anh là rất thấp, thậm chí các em không dám và không nói được tiếng Anh trong những tình huống giao tiếp thông thường.

Trước thực trạng đó, đề tài này được thực hiện nhằm mục đích đưa ra và phân tích một số khó khăn của sinh viên không chuyên ngữ ở ĐH Huế trong việc học và thi môn nói cũng như sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp thông thường. Bài báo cáo cũng đề cập đến những vấn đề của người dạy kỹ năng này và trên cơ sở đó phân tích những bất lợi trong công tác giảng dạy nhằm đề xuất một số chiến lược giúp cho giáo viên làm tốt hơn việc dạy kỹ năng nói và giúp sinh viên khắc phục được phần nào những hạn chế và khó khăn gặp phải khi học, thi nói và giao tiếp bằng tiếng Anh.

* Email: hongphuong@hueuni.edu.vn

Nghiên cứu này tập trung tìm câu trả lời cho những câu hỏi sau:

- Những khó khăn nào sinh viên đang gặp phải trong quá trình học và thi môn nói bậc 3/6?
- Những chiến lược nào khả thi để cải thiện khả năng nói của sinh viên không chuyên ngữ ở ĐH Huế nhằm giúp các em thành công trong kì thi đầu ra bậc 3/6?

Nội dung chính của báo cáo là đề cập đến những vấn đề gặp phải của sinh viên không chuyên ngữ của ĐH Huế trong việc học kĩ năng nói nhằm đảm bảo kì thi đầu ra bậc 3/6. Điều tra phân tích kết quả nghiên cứu để đưa ra một số chiến lược đề xuất cho thực trạng này

2. Cơ sở lý luận

2.1. Kỹ năng nói tiếng Anh

Một quá trình nói được nhận định là tốt khi nó được hình thành trên cơ sở kết hợp một cách hợp lí và logic giữa yếu tố thông tin và sự diễn đạt thông tin theo đó nhằm đạt được mức độ lưu loát và tính chính xác (Mazouzi, 2013). Chính vì vậy mà các bài giảng kĩ năng nói phải được thiết kế dựa trên tiêu chí là vừa phát triển khả năng ngôn ngữ để hình thành sự thể hiện ngôn ngữ hợp lí vừa khích lệ người học lĩnh hội kiến thức nền tảng để sở hữu thông tin một cách chính xác và logic. Như vậy, một học viên nói lưu loát và chính xác ngôn ngữ mục tiêu của mình thì học viên đó phải đạt được kiến thức nền tảng về ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng và cả sự tư duy logic về ngữ nghĩa. Mọi giáo viên dạy nói đều nhằm vào mục tiêu giúp người học nói vừa trôi chảy vừa chính xác. Theo Thornbury (2005), nói lưu loát là khả năng có thể diễn đạt một vấn đề nào đó một cách liên tục mà dễ hiểu để khiến người đồng giao tiếp với mình không cảm thấy chán khi thực hành giao tiếp với mình. Với Nunan (2003) thì nói lưu loát là nói nhanh và tự tin và gần như không dừng lại một cách thiếu tự nhiên. Vậy nên, dạy kĩ năng nói phải đồng hành với dạy ngữ pháp, từ vựng theo ngữ cảnh và phát âm. Chaney (1998) cho rằng nói là quá trình hình thành và chia sẻ ý nghĩa thông qua việc sử dụng các biểu tượng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ theo nhiều ngữ cảnh khác nhau. Theo quan điểm của Snow (2006), nói một ngoại ngữ liên quan đến nhiều hoạt động khác nhau và người học phải học cách thực hiện những hoạt động đó một cách nhanh nhẹn và luyện tập mở rộng là điều cần phải có. Trong thời đại toàn cầu hóa, việc dạy và học nói tiếng Anh không còn là học thuộc lòng một đoạn hội thoại nào đó được cho là đặc trưng hay cứ lặp đi lặp lại một dạng bài tập áp dụng theo một mẫu cho sẵn mà mục tiêu của nó là phải nâng cao kĩ năng giao tiếp thực sự bởi có như vậy người học mới có thể tự diễn đạt ý tưởng của riêng mình và học cách tư duy tuân theo các qui tắc về văn hóa và xã hội một cách hợp lí trong từng bối cảnh giao tiếp.

2.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến kĩ năng nói

2.2.1. Kiến thức ngữ pháp

Theo Thornbury (2005), chính kiến thức ngữ pháp sẽ giúp cho người nói nói chính xác, diễn đạt đúng và được hiểu đúng nghĩa nội dung cần truyền đạt. Ngữ pháp tốt làm nên những phát ngôn có kết cấu logic, súc tích, dễ hiểu và đặc biệt việc chọn từ hay cụm từ hợp lí cho mỗi ngữ cảnh giao tiếp.

2.2.2. Khả năng diễn ngôn

Năng lực diễn ngôn là khả năng diễn đạt giúp kết nối các ý tưởng một cách mạch lạc, hợp lí và logic. Năng lực này được hình thành trên cơ sở kết hợp của các yếu tố sau: goals, strategies, grammar, intonation, pronunciation, word choice, gestures and facial expression, listener's background, theo Snow (2006, tr. 110-111)

2.2.3. Kiến thức chung về xã hội, khoa học và con người

Quá trình giao tiếp được thực hiện với 2 yếu tố thông tin và cách thể thông tin. Việc học nền tảng ngôn ngữ cung cấp cho người học kiến thức ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm để hình thành những phát ngôn đúng, được hiểu đúng và dễ hiểu. Đây là yếu tố diễn đạt và thể hiện. Trong khi đó, ý tưởng diễn đạt, nội dung muốn trình bày là vốn kiến thức chung hay cụ thể về cuộc sống về thế giới, con người, khoa học, tự nhiên... Người học, người giao tiếp phải tự trang bị bằng các nguồn tư liệu trong cuộc sống qua quan sát, sách, báo, phim ảnh, từ người khác và internet... Kiến thức này càng phong phú thì người học càng có nhiều ý tưởng để trình bày hay bảo vệ một lập trường nào đó trong quá trình giao tiếp.

2.2.4. Môi trường học tập

Theo Snow (2006), trong suốt quá trình luyện nói trong lớp học, người càng được tạo điều kiện nói nhiều bao nhiêu thì càng nói tốt bấy nhiêu, và giáo viên nên thiết kế hoạt động theo từng cặp hay từng nhóm nhỏ thì hiệu quả thực hành tốt hơn là cho các em thảo luận theo nhóm đông hay hoạt động người dạy là trung tâm. Theo đó người học làm việc theo đơn vị nhỏ thì dễ thể hiện, được điều chỉnh và tự điều chỉnh dễ dàng hơn và đặc biệt là cơ hội và thời gian nói sẽ nhiều hơn. Khi làm việc trong nhóm đông thì các em sẽ bị hạn chế khả năng thể hiện ngôn ngữ và ý tưởng vì vậy mà hạn chế sự tiến bộ trong kĩ năng này. Snow (2006) cũng nhấn mạnh rằng, trong một lớp học nói tiềm năng là lớp học có người giáo viên tiềm năng về phương pháp và tâm lí giảng dạy. Theo ông, sửa lỗi cho người học có thể là có ích hầu như không có bằng chứng nào chứng minh rằng sự sửa sai đó lại nâng cao tính chính xác khi nói cho người học. Việc sửa lỗi quá thường xuyên sẽ khiến cho người học tự ti và làm mất hứng thú luyện nói.

2.3. Những khó khăn thường gặp trong quá trình nói

Richards (2006) cho rằng tình trạng sinh viên học nói kém là do thiếu sự coi trọng kĩ năng này trong khung chương trình học chính thức. Do đó, người học không được đầu tư một cách bài bản và chuyên sâu cho việc đào tạo kĩ năng này cả về nội dung lẫn thời gian, và kĩ năng nói được xem như là yếu tố phụ, không quan trọng trong một chương trình học chính thức, điều này rất ảnh hưởng đến quan điểm, ý thức và sự tri nhận trong môn nói. Khả năng ngôn ngữ hạn chế của người dạy cũng được xem như một trở ngại lớn cho người học nói. Trong một số trường hợp, giáo viên không thường xuyên sử dụng các kĩ năng ngôn ngữ nên tính thông thạo và chuẩn xác nhất định cũng bị mai một, do một số lớp học dùng nhiều hay chủ yếu là tiếng mẹ đẻ trong giờ giảng nên giáo viên càng hạn chế dùng ngôn ngữ mục tiêu vì thế ảnh hưởng thói quen ngôn ngữ này cho người học. Đây là một trong những vấn đề phổ biến đáng lo ngại đặc biệt đối với lớp học của sinh viên không chuyên ngữ. Như thế, như một chuỗi tương quan, giáo viên hạn chế về năng lực ngôn ngữ thì sẽ dẫn đến năng lực ngôn ngữ của sinh viên cũng bị hạn chế.

Điều kiện lớp học không thích hợp cho các hoạt động luyện nói và giao tiếp như lớp quá đông (too large class) và nhiều trình độ người học. Thực vậy, khi lớp học đông thì rất khó quản lí lớp học và khó tổ chức các hoạt động giao tiếp. Lớp đông cũng gây cản trở giáo viên trong việc giúp đỡ và hướng dẫn cá nhân mỗi người học. Đối với những lớp nhiều trình độ thì việc thiết kế các hoạt động học tập rất khó khăn, sự chênh lệch trình độ rất dễ gây ra sự nhàm chán cho sinh viên khá tốt và sự quá sức đối với học sinh kém. Ngoài ra, để tạo điều kiện tốt và tạo hứng thú cho người học nói, thì các hoạt động ngoài lớp học cũng rất ảnh hưởng, tuy nhiên khó khăn là người học hiếm có cơ hội để luyện tập theo mô hình này do nhiều yếu tố.

2.4. Về kì thi kĩ năng nói bậc 3/6 cho sinh viên không chuyên ngữ ĐH Huế

Sinh viên thực hiện bài thi trên máy tính và bài thi nói được ghi âm lại. Đề thi kĩ năng nói bậc 3/6 dành cho sinh viên không chuyên ngữ của ĐH Huế gồm 3 phần:

- Phần 1: Một giáo viên người nước ngoài sẽ đặt các câu hỏi cá nhân liên quan đến bản thân, đời sống học đường, gia đình, bạn bè, sở thích... sinh viên phải lắng nghe và hiểu câu hỏi của thầy/cô giáo để trả lời.

- Phần 2: Một chủ đề cùng với 3 câu hỏi gợi ý xuất hiện trên màn hình máy tính cùng với giọng đọc của giáo viên hỏi thi. Sinh viên đọc và nghiên cứu câu hỏi để trình bày.

Ví dụ: Talk about your admirable teacher. In your answer. You should say:

- Who he is and what subject he taught you
- What achievements or prizes he won
- Why you admire him/her

- Phần 3: Giáo viên sẽ hỏi sinh viên 2 câu hỏi liên quan đến chủ đề được đề cập ở phần 2.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Cách tiếp cận nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện bằng phương pháp phối hợp giữa định tính và định lượng. Theo Dornyie (2007) phương pháp nghiên cứu này giúp người nghiên cứu có thể khảo sát vấn đề mà họ quan tâm một cách toàn diện thông qua việc khảo sát được một số lượng lớn đối tượng nghiên cứu tại cùng một thời điểm thông qua các câu hỏi khảo sát mang tính định tính đồng thời họ có thể hiểu sâu hơn về vấn đề đó thông qua các phản hồi mang tính định lượng từ các đối tượng tham gia đối với các câu hỏi mở. Ngoài ra theo Cohen và cộng sự (2007) việc kết hợp hai nguồn dữ liệu định tính và định lượng sẽ giúp phát huy thế mạnh của mỗi bên đồng thời hạn chế những điểm yếu mà mỗi loại dữ liệu có thể có.

3.2. Khách thể nghiên cứu

Đề tài này được thực hiện với sự tham gia của gần 100 sinh viên năm 2 của các Trường ĐH Kinh tế, ĐH Luật và ĐH Khoa học, ĐH Huế đang theo học chương trình tiếng Anh cấp độ B1 trong học kỳ 2 năm học 2017-2018. Những sinh viên này ở độ tuổi 19-21 và đã học tiếng Anh 7 năm. Những sinh viên này đã hoàn thành các học phần tiếng Anh A1 và A2 tại trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế.

3.3. Công cụ nghiên cứu

Công cụ nghiên cứu được sử dụng đó là một bảng khảo sát bao gồm cả câu hỏi đóng và câu hỏi mở để có thể thu thập cả dữ liệu định tính và định lượng để trả lời các câu hỏi nghiên cứu. Cuối học kỳ, bảng khảo sát được phát cho gần 100 sinh. Bảng khảo sát gồm hai phần. Phần 1 gồm 25 câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn để xác định mức độ đồng ý hay không đồng ý của sinh viên đối với các câu phát biểu liên quan đến học phần. Kết quả phản hồi của 100 sinh viên đối với các câu hỏi khảo sát được tổng hợp và phân tích để nắm bắt rõ những hạn chế và khó khăn về ngôn ngữ và việc học luyện nói tiếng Anh của sinh viên và đánh giá tính khả thi của các chiến lược dạy và học kỹ năng nói của sinh viên nhằm đạt chuẩn đầu ra bậc 3/6. Từ đó, đưa ra câu trả lời cho 2 câu hỏi nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Hạn chế về kiến thức ngôn ngữ là một khó khăn lớn đối việc thực hành và thi kỹ năng nói

Từ số liệu thống kê ở Bảng 1 dưới đây cho thấy hơn 80% sinh viên nhận thấy kiến thức về ngữ pháp, từ vựng là rất quan trọng đối với kỹ năng nói. Không có đủ nền tảng ngữ pháp và vốn từ là một khó khăn rất lớn đối với việc thực hành kỹ năng nói trong lớp học cũng như trong kì thi. Chỉ 9% sinh viên được hỏi là không gặp khó khăn ở năng lực này trong quá trình nói. Kỹ năng nghe luôn đồng hành với kỹ năng nói trong một quá trình giao tiếp nhưng có đến 74% sinh viên xác nhận kỹ năng nghe còn yếu là một khó khăn đáng kể và vì thế không thể nói tốt được. 15% sinh viên không đồng ý với phát biểu về khó khăn trong kỹ năng nghe dẫn đến cản trở kỹ năng nói. Rất có thể đây là nhóm sinh viên tương đối tự tin về khả năng nghe của mình. Cùng với khả năng nghe hiểu, khả năng phát âm cũng là một khó khăn đáng kể đối với các sinh viên không chuyên ngữ trong kì thi kỹ năng nói tiếng Anh. 84% sinh viên được hỏi cho rằng họ gặp khó khăn trong khi trả lời phần 1 kỹ năng nói kì thi bậc 3/6 là do không thể nghe được và không thể phát âm đúng. 8% số sinh viên được hỏi không đồng ý với nhận xét trên và cũng 8% không thể đưa ra câu trả lời.

Bảng 1. Hạn chế về kiến thức ngôn ngữ là khó khăn lớn

Câu phát biểu	Tỉ lệ phản hồi				
	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Hạn chế về kiến thức ngữ pháp và từ vựng, đặc biệt là các cụm từ theo chủ đề là một cản trở lớn đối với việc thực hành kỹ năng nói	2%	7%	10%	52%	29%
Khả năng nghe hiểu còn yếu làm sinh viên mất tự tin hoàn toàn khi tham gia các hoạt động luyện nói	6%	9%	11%	55%	19%
Với những câu hỏi về bản thân (phần 1 speaking test B1), sinh viên gặp phải khó khăn về nghe hiểu và phát âm	5%	3%	8%	40%	44%

4.2. Thiếu kiến thức về thông tin nên thiếu ý tưởng khi nói

Trên cơ sở là quá trình giao tiếp được cấu thành từ yếu tố thông tin và sự diễn đạt thông tin. Trong đó phần thông tin hay ý tưởng để diễn đạt thể hiện kiến thức nền tảng về sự hiểu biết về thế giới xung quanh, về khoa học, xã hội và con người... là bộ xương, là kết cấu của quá trình

giao tiếp. Tuy nhiên, theo kết quả điều tra từ Bảng 2 dưới đây, hơn 75% sinh viên cho rằng đây là khó khăn lớn nhất của các em khi nói, cụ thể là khi trả lời phần 2 đề thi nói bậc 3/6 cho sinh viên không chuyên ngữ ĐH Huế là tình trạng thiếu ý tưởng diễn đạt. Mặc dù hiểu được câu hỏi đặt ra do toàn bộ câu hỏi phần 2 đều xuất hiện rõ trên màn hình máy tính, nhưng các em không thể có được câu trả lời tốt cho phần này do tình trạng thiếu thông tin về đề tài được nói đến và ý tưởng diễn đạt cho chủ đề đó. Tỷ lệ khoảng 5% là phủ nhận vai trò của thông tin đối với quá trình giao tiếp và 9% không có câu trả lời.

Bảng 2. Hạn chế về thông tin khi diễn đạt trong qua trình nói

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi				
	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Nói và luyện nói tiếng Anh không nhất thiết cần phải có kiến thức phổ thông về xã hội, tự nhiên, con người và thông tin thời sự	56%	23%	10%	6%	5%
Hạn chế về ý tưởng và cách diễn đạt là vấn đề lớn trong qua trình thực hành thi phần 2 speaking test B1	5%	4%	9%	55%	27%

4.3. Những vấn đề về môi trường học tập

Hiện tượng lớp đông và nhiều trình độ trong 1 lớp học tiếng Anh không chuyên ngữ không phải là vấn đề mới và luôn vẫn là một khó khăn đáng kể cho cả người dạy và người học. Do tình trạng này mà sinh viên mất đi nhiều cơ hội thực hành kỹ năng nói trong lớp cũng như vấn đề đề quản lí lớp học. Ngoài ra, khi tham gia một lớp học nhiều trình độ, toàn bộ sinh viên trong lớp khó cảm thấy thú vị với bài học khi các em khá và yếu không thể tìm thấy điểm chung về mức độ khó dễ của vấn đề thảo luận. Thực vậy, Bảng 3 dưới đây, đến 84% sinh viên được hỏi đều không có hứng thú với lớp học luyện nói đông và 80% cảm thấy nhàm chán với lớp học nhiều trình độ. Chỉ có 9% sinh viên được hỏi cảm thấy hài lòng về giáo trình đang học. Khoảng 80% sinh viên muốn có thêm nhiều cơ hội luyện nói trong lớp học.

Bảng 3. Những khó khăn trong hoạt động của lớp luyện nói

Câu phát biểu	Tỷ lệ phản hồi				
	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Lớp học đông càng tạo sự tự tin của sinh viên tham gia hoạt động luyện nói trong lớp	28%	56%	8%	5%	3%
Học trong lớp có nhiều trình độ làm cho lớp luyện nói dễ trở nên nhàm chán	5%	4%	11%	55%	25%
Giáo trình đang học có những thiết kế và minh họa rất thú vị và bổ ích cho việc luyện nói	29%	52%	8%	3%	6%
Các buổi học tiếng Anh đều có luyện nói và sinh viên đều có cơ hội thực hành	45%	34%	10%	7%	5%

Trong các kĩ năng tiếng Anh, nói là kĩ năng ít được thực hành nhất bởi mất nhiều thời gian và khó luyện cho tất cả mọi thành viên trong lớp	4%	6%	7%	51%	32%
---	----	----	----	-----	-----

4.4. Chiến lược nâng cao chất lượng lớp học kĩ năng nói

Bảng 4 cho thấy, 45 tiết trên lớp cho chương trình tiếng Anh B1 là không thể đủ để các em luyện tập kĩ năng nói, theo tỉ lệ rất cao 85% sinh viên cho rằng thời gian đó là quá ít. Thực hành kĩ năng ở lớp là rất quan trọng, đặc biệt là kĩ năng nói vì người học không những cần các bạn cùng lớp để giao tiếp cũng như cần sự hướng dẫn của giáo viên, và đặc biệt là sự quan sát và rút ra những bài học từ những hoạt động giao tiếp của các bạn cùng lớp. Vậy nên, số tiết cho học phần TACB 3 cần được điều chỉnh tăng từ 45 đến 60 tiết. Để giúp sinh viên tự tin hơn trong lối diễn đạt ý tưởng của mình, giáo viên nên cung cấp và phân tích cho các em một số từ và cụm từ hay theo chủ đề mỗi ngữ cảnh. Theo kết quả khảo sát, 67% sinh viên được hỏi cho rằng giáo viên không thường xuyên trang bị cho các em cụm từ hay và thú vị theo chủ đề. Về những hoạt động giờ học, hoạt động theo từng cặp được xem là hữu ích và hiệu quả đối với những sinh viên chưa tự tin, họ cần một người khác để thực hành để chia sẻ và để giáo viên dễ hướng dẫn. Hơn nữa, làm việc theo cặp thì người học có nhiều cơ hội thực hành hơn, có đến 77% sinh viên được hỏi chọn pairwork cho hoạt động thực hành nói trên lớp. Ngoài ra, tiếp cận với các tình huống giao tiếp thực tế qua phim cũng là hoạt động được đa số sinh viên (88%) đánh giá cao. Như vậy, lồng ghép các trích đoạn phim có phần giao tiếp hợp với chủ đề và trình độ của sinh viên là một chiến lược giúp tạo cảm hứng nói trong lớp học.

Tuy rằng các sinh viên rất muốn được lắng nghe giáo viên nhận xét, nhưng việc sửa lỗi đó xảy ra quá thường xuyên và không hợp lí sẽ rất dễ làm các em thất vọng về bản thân dẫn đến sự tự ti trong giao tiếp. 61% sinh viên trả lời không muốn giáo viên của mình chỉnh sửa thường xuyên và đặc biệt là lúc đang thể hiện phần bài tập luyện nói của mình.

Bảng 4. Chiến lược lớp học kĩ năng nói

Câu phát biểu	Tỉ lệ phản hồi				
	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Với thời gian 45 tiết trên lớp cho chương trình B1 là quá đủ để giáo viên và sinh viên có những hoạt động hiệu quả cho kĩ năng nói	34%	51%	8%	4%	3%
Giáo viên thường trang bị cho sinh viên những mẫu câu hay và cụm từ khả dụng trong những tình huống luyện nói	27%	40%	10%	18%	5%
Pairwork là hoạt động luyện nói giúp sinh viên dễ luyện tập và dễ được quan sát và được hướng dẫn	6%	8%	9%	56%	21%
Thực hành kĩ giao tiếp với sự quan sát và lĩnh hội ngôn ngữ từ 1 đoạn phim tiếng Anh là một sự kết hợp có tính thực tế và hiệu quả	4%	12%	6%	67%	21%
Giáo viên sửa lỗi thường xuyên làm sinh	14%	18%	7%	51%	10%

viên mất niềm tin vào khả năng nói của chính mình dù đó là những lỗi chính đáng					
---	--	--	--	--	--

4.5. Chiến lược để thành công trong kĩ năng nói của kì thi đầu ra b1 (bậc 3/6)

Hầu hết các sinh viên đều muốn làm quen với nội dung và hình thức của kì thi nói B1 ngay trong lớp học. Theo Bảng 5, có 95% sinh viên muốn được đề cập và phân tích các câu hỏi liên quan với kì thi B1 trong giờ học ở lớp. Cũng với một tỉ lệ rất cao là 88% sinh viên được khảo sát cho rằng các em nên được thực hành với sự giám sát và chỉnh sửa của thầy/cô giáo một số bài thi nói B1 mẫu để các em quen với định dạng đề và cách thực hành bài thi đúng nhất. Vậy nên, giáo viên phụ trách học phần TACB 3 nên giúp các sinh viên làm quen với hình thức và nội dung bài thi nói một cách hợp lí. Các em cần nắm bắt được chuẩn một bài thi tốt là thế nào để luyện tập và phân đầu, bảo đảm đầu ra cho môn nói.

Khi được yêu cầu phát biểu về chiến lược thực hành chủ đề với những gợi ý hay trong sách giáo khoa trong format đề thi nói B1 là một sự luyện tập kĩ năng và sự chuẩn bị cho kì thi nói cấp độ B1 hiệu quả thì có đến 83% đồng ý. Đây là một chiến lược nhằm giúp vừa đảm bảo chương trình học vừa giúp sinh viên nắm rõ tiến trình và cú pháp làm bài nói tốt nhất trong khả năng có thể.

Bảng 5. Chiến lược cho kì thi nói bậc 3/6

Câu phát biểu	Tỉ lệ phản hồi				
	Rất không đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Rất đồng ý
Sinh viên muốn được đề cập, phân tích và luyện tập các câu hỏi có liên quan trong kì thi nói bậc 3/6 trước khi tham gia thi	0%	2%	5%	87%	6%
Thực hành chủ đề với những gợi ý hay trong sách giáo khoa trong format đề thi nói B1 là một sự luyện tập kĩ năng và sự chuẩn bị cho kì thi nói rất hiệu quả	3%	8%	6%	68%	15%
Giáo viên nên cho sinh viên thực hành trên lớp một số bài thi nói B1 mẫu một số lần để sinh viên quen với định dạng bài thi nói cấp độ B1	1%	2%	9%	66%	22%
Sinh viên cần được giáo viên hướng dẫn là nói rõ, ngắn gọn và nhất định không được bỏ sót bất cứ câu hỏi hay chi tiết gợi ý nào trong bài thi nói bậc 3/6	4%	5%	6%	65%	20%

5. Thảo luận và đề xuất

- *Làm rõ động cơ học tập*: Động cơ học tập là yếu tố rất có ý nghĩa trong việc nâng cao năng suất học tập của sinh viên. Cole và Chan (1994) đã đề cập đến động cơ bên ngoài chính là xu hướng và quan niệm xã hội về vai trò ngôn ngữ đó, là tính chất tác động của cộng đồng đối với đối với sử dụng ngôn ngữ đó. Động cơ bên trong là nỗ lực cá nhân với định hướng mục tiêu rõ ràng. Các sinh viên cần phải hiểu đúng và đủ tầm quan trọng của việc học kĩ năng nói tiếng Anh trong thời điểm này (cho kì thi đầu ra B1) và cho sự phát triển cá nhân sau này trong thời kì của quốc tế hóa mọi lĩnh vực và tiếng Anh là một ngôn ngữ quốc tế. Các em cần được gieo một động cơ học tập tích cực mới có điều kiện và cơ hội tốt để quyết tâm khắc phục những khó khăn

gặp phải. Người giáo viên sẽ đồng hành cùng sinh viên trong việc xác định động cơ học tập đúng và hành động đúng để tạo sức mạnh nội lực vượt qua một số hạn chế trước mắt.

- *Ngữ cảnh thực tế kết hợp từ vựng hợp lí*: Theo Wray (2008), lồng ghép nhiều tình huống cuộc sống đa dạng sát với thực tế đời sống và thế giới quan của người học có chức năng tạo động lực và đề cao khả năng tri nhận của người học luyện nói. Theo đó, các cụm từ, mẫu câu đặc trưng, các cụm từ thú vị và dễ hiểu được giới thiệu đến người học và được người học áp dụng tức thì và dễ dàng khi giáo viên là người chủ động trong việc thiết kế ngữ cảnh giao tiếp và ứng dụng ngôn ngữ khả dụng cho sinh viên vào thời điểm luyện nói.

- *Tạo tâm lí tích cực bằng hành vi tích cực*: Một trong những khó khăn lớn nhất mà người học đang gặp phải theo Tanveer (2007), là cảm giác lo sợ, hồi hộp và căng thẳng. Cảm giác này rất phổ biến đối với người học có những hạn chế nhất định về nền tảng ngôn ngữ như từ vựng, ngữ pháp hay phát âm. Vậy nên, người giáo viên cần phải đủ kiên nhẫn để hạn chế chỉ trích hay sửa lỗi cho các em lúc các em đang thực hành nhằm tạo niềm tin tạm thời để các em tiếp tục phấn đấu. Về sau sẽ hướng dẫn hay các em sẽ dần tự điều chỉnh.

- *Hoạt động xem phim tiếp cận tình huống giao tiếp*: Hình ảnh sinh động và thực tế đi kèm với ngữ cảnh giao tiếp phù hợp trong những bộ phim tài liệu hay trích đoạn phim bằng tiếng Anh được đánh giá cao trong ảnh hưởng ngôn ngữ mục tiêu đối với người học. Các em cảm thấy vui hơn, thú vị hơn khi mà vấn đề mình đang áp dụng lại được thực tế hóa trong một bối cảnh cụ thể. Vậy nên, một TV và trang thiết bị âm thanh hình ảnh nhằm thực tế hóa ngữ cảnh ngôn ngữ là một ý tưởng có tính chiến lược.

+ *Hoạt động xem phim tiếp cận tình huống giao tiếp*: Chủ đề ở sách giáo khoa hiện nay là giáo trình Life Pre-intermediate rất thú vị và phong phú, được thiết kế bởi những câu hỏi gợi ý có tính thực tế cao và dễ hiểu. Tuy nhiên, những chủ đề được nhận xét là thú vị đó nên chẳng được lồng ghép vào định dạng của đề thi B1 bậc 3/6 đang được thực hiện ở Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế thì tính thực tiễn sẽ cao hơn, sinh viên sẽ thấy có động lực và hứng thú học kĩ năng nói hơn.

- *Khuyến khích cách hỏi đáp đơn giản*: Với mục đích học và luyện kĩ năng nói nhằm bảo đảm kì thi đầu ra bậc 3/6 thì việc sử dụng cách trả lời đơn giản, rõ ràng và dễ hiểu là điều đáng khích lệ. Khi luyện tập cùng các bạn trong lớp học, các em đang giao tiếp với đa số đối tượng học còn hạn chế về language proficiency (thông thạo ngôn ngữ), thì những mẫu câu giao tiếp thông dụng, đơn giản và dễ hiểu sẽ được đón nhận một cách hào hứng. Về sau người học sẽ dần phát triển những mẫu câu giao tiếp đó lên một cách tự nhiên và chủ động. Hơn nữa, trong kì thi kĩ năng nói cấp độ B1, yêu cầu câu trả lời cũng ở mức độ câu đơn giản, đúng về cấu trúc và hợp lí về ngữ nghĩa. Như vậy, các em sẽ quen và tự tin vào cách hỏi đáp của mình trong kì thi nói thực.

6. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy, sinh viên không chuyên ngữ ĐH Huế đã và đang gặp phải nhiều khó khăn trong việc học và thi kĩ năng nói theo chuẩn bậc 3/6. Những khó này xuất phát từ những hạn chế về kiến thức ngôn ngữ như ngữ pháp, từ vựng và ngữ âm cũng như điều kiện và môi trường học tập chưa hỗ trợ tích cực cho các em nâng cao năng lực về kĩ năng này và đặc biệt là áp lực từ mục tiêu phải đạt chuẩn đầu ra trong kì thi B1 dành cho sinh viên không chuyên

ngữ ĐH Huế. Do đặc thù của kĩ năng nói nên các hoạt động lớp học cần được thiết kế mở và sinh động để sinh viên tìm được hứng thú khi tham gia hoạt động giao tiếp trên lớp. Các em cần được hướng dẫn và chỉnh sửa một cách nhẹ nhàng hợp lí thì vấn đề tâm lí học tập mới ổn định. Ngoài ra, với mục tiêu đặt ra là kĩ năng nói thì B1, việc thực hành của các em cần được điều chỉnh một cách hợp lí như vẫn theo các nội dung của giáo trình bắt buộc nhưng với hình thức sát với format định dạng đề thi để giúp sinh viên làm quen và làm tốt nhất phần nói trong kì thi đầu ra. Hoạt động thực hành giao tiếp ở lớp cần lồng ghép những ngữ cảnh thực tế và những chủ đề quen thuộc để tiếp tục để các em có tâm lí thoải mái để thực hành kĩ năng. Theo đó, rất hy vọng sinh viên sẽ tìm được hứng thú và động lực học kĩ năng nói, một kĩ năng luôn gây áp lực lớn cho các em trong thực tế và trong các kì thi thực hành tiếng Anh.

Tài liệu tham khảo

- Cole, P.G., & Chan, L. (1994). *Teaching principles and practice*. Prentice Hall of Australia Pty Ltd.
- Chaney, A.L., & Burn, T.L. (1998). *Teaching oral communication in grades K-8*. Boston: Allyn & Bacon.
- Mozouzi, S. (2013). *Analysis of some factors affecting learners' oral performance*. Truy cập từ: <http://archives.univ-biskra.dz/handle/123456789/4772> vào ngày 06.09.2018.
- Nunan, D. (2003). *Practice English teaching*. New York: McGraw-Hill.
- Richards, J.C. (2006). *Teaching speaking theory and methodologies*. Truy cập từ: www.professorjackrichards.com vào ngày 05.09.2018.
- Snow, D. (2006). *More than a native speaker*. Teachers of English to speakers of other languages. Inc. (TESOL).
- Thornbury, S. (2005). *How to teach speaking*. In Harmer, J. (Ed). London: Longman.
- Tanveer (2007). *Investigation of the factors that cause language anxiety for ESL/EFL learners in learning speaking skills and the influence it casts on communication in the target language*. Retrieved on September 16th from: <http://researchgate.net>.
- Wray, A. (2008). *Formulaic language: Pushing the boundaries*. Oxford University Press.

HUE UNIVERSITY STUDENTS' LEARNING OF SPEAKING SKILL FOR THE OUTPUT STANDARD OF 3/6 LEVEL

Abstract: Speaking is one of the most important skills in using English as a foreign language. It does motivate learners to do other language skills positively and effectively and heighten their language proficiency. In particular, English ability of students in Hue University is now evaluated in separate language skill, which provides reliable results of the students' real communicative competence. The findings from 100 students reveal that they have met lots of both subjective and objective difficulties in developing their speaking skill. This study will hopefully give some strategies to improve the quality of speaking classes and better the output result of speaking test of Hue University students.

Keywords: Strategies, language skills, communicative competence